BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BƯU CHÍNH VIETTEL
Năm 2015

I.Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BƯU CHÍNH VIETTEL**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: **0104093672**
- Vốn điều lệ: **68.995.410.000 đồng**
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: **68.995.410.000 đồng**
- Địa chỉ: **Số 1 Giang Văn Minh, P.Kim Mã, Q.Ba Đình, TP Hà Nội**
- Số điện thoại: **04.62660306**
- Số fax: **04.62873800**
- Website: **www.viettelpost.com.vn**
- Email: **admin@viettelpost.com.vn**

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Ngày 13 tháng 4 năm 2012, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội đã cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho Tổng Công ty CP Bưu chính Viettel, mã số doanh nghiệp 0104093672. Với việc cấp phép này Bưu chính Viettel chính thức là Tổng Công ty đầu tiên trong mô hình Tập đoàn Viễn thông Quân đội.

Tiền thân từ Trung tâm phát hành báo chí được thành lập ngày 01/7/1997, với nhiệm vụ ban đầu là phục vụ các cơ quan Quân đội trong Bộ Quốc phòng. Năm 2006, Bưu chính Viettel chuyển đổi từ mô hình hạch toán phụ thuộc sang hạch toán độc lập thành Công ty TNHH NN 1 TV Bưu chính Viettel. Năm 2009 Bưu chính Viettel chính thức hoạt động với tư cách Công ty Cổ phần sau khi thực hiện thành công kế hoạch cổ phần hóa thông qua việc phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng, qua 3 năm thực hiện cổ phần lợi nhuận hàng năm đều đạt từ 30-33% trên vốn chủ sở hữu.

Với chiến lược "Mạng lưới đi trước, kinh doanh đi sau" hiện mạng lưới phục vụ của Bưu chính Viettel đã có đến 98% các huyện (trừ huyện đảo), 85% các xã trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Năm 2009 Bưu chính Viettel đã mở rộng mạng lưới kinh doanh dịch vụ sang thị trường Campuchia và trở thành doanh nghiệp bưu chính đầu tiên của Việt Nam đầu tư ra nước ngoài. Bước sang năm 2011, mạng lưới Bưu chính Viettel đã có mặt 23/23 tỉnh thành của Campuchia và chính thức được Bộ giao thông vận tải của

NGUYN THANH TÙNG
Digitally signed by NGUYN THANH TÙNG
Date: 2016.03.28 10:22:47 +07:00

hai nước cấp phép kinh doanh dịch vụ vận tải liên vận Quốc tế giữa Việt Nam - Campuchia.

Sau 15 năm hoạt động trên thị trường, Bưu chính Viettel hiện có gần 2.500 cán bộ nhân viên; với 4 công ty thành viên *(Công ty TNHH 1TV Bưu chính Viettel Tp Hồ Chí Minh, Công ty TNHH 1TV Bưu chính Viettel Tp Hà nội, Công ty TNHH 1TV Bưu chính Liên tỉnh, Công ty TNHH Bưu chính Viettel Cambodia)* và 61 chi nhánh trên toàn quốc.

Cùng với sự phát triển không ngừng về doanh thu, chất lượng, Bưu chính Viettel vinh dự được xếp hạng 200 trong Top 500 thương hiệu hàng đầu tại Việt Nam. Năm 2010 được Bộ Thông tin Truyền thông trao giải thưởng VICTA dành cho doanh nghiệp ứng dụng CNTT hiệu quả nhất; để giờ đây khách hàng của Bưu chính Viettel có thể tra cứu hành trình đường thư một cách nhanh nhất, đội ngũ nhân viên có thể theo dõi được sản lượng, doanh thu, công nợ, hàng hóa lưu chuyển trong toàn hệ thống chỉ cần bằng các thao tác trên phần mềm.

Với bề dày kinh nghiệm hoạt động trên thị trường bưu chính, với trí tuệ và tâm huyết của đội ngũ cán bộ nhân viên, Tổng công ty Bưu chính Viettel đang nỗ lực phấn đấu để doanh thu không ngừng khởi sắc, chất lượng không ngừng được nâng cao, xứng đáng với sự chọn lựa của các khách hàng, cổ đông và ngôi vị doanh nghiệp bưu chính hàng đầu Việt Nam.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh : (theo đăng ký thay đổi lần 10 ngày 22/06/2015)

- Kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh bưu phẩm, bưu kiện hàng hóa;
- Đại lý kinh doanh dịch vụ phát hành báo chí;
- Kinh doanh thương mại trên mạng bưu chính, thương mại điện tử;
- Kinh doanh dịch vụ viễn thông: bán các thiết bị viễn thông đầu cuối; các loại thẻ viễn thông, điện thoại, Internet card;
- Cho thuê văn phòng;
- Cung cấp dịch vụ quảng cáo trên bao bì chuyển phát nhanh của Công ty;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ôtô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ vào xe có động cơ khác;
- Đại lý bảo hiểm;

- Dịch vụ vận tải liên vận quốc tế bằng đường bộ, đường thủy;

- Đại lý kinh doanh thẻ các loại;

- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;

- Sản xuất các sản phâm từ giấy và bìa;

- In ấn, các dịch vụ liên quan đến in;

- Dịch vụ logistic(bao gồm: dịch vụ bốc xếp hàng hóa, dịch vụ kho bãi và lưu giữ hàng hóa, dịch vụ đại lý hải quan, lập kế hoach bốc dỡ hàng hóa, tiếp nhận, lưu kho và quản lý thông tin liên quan đến vận chuyển và lưu kho hàng hóa trong suốt cả chuỗi Logistic; hoạt động xử lý hàng hóa bị khách hàng trả lại, hàng tồn kho, hàng hóa quá hạn, lỗi mốt và tái phân phối hàng hóa đó; hoạt động cho thuê và thuê container và các dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải) (thực hiện theo pháp luật chuyên ngành về logistic);

- Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu hàng hóa (thực hiện theo pháp luật chuyên ngành về thương mại xuất nhập khẩu);

- Vận tải hàng hóa bằng ôtô chuyên dùng và không chuyên dùng theo hợp đồng;

- Vận tải hành khách bằng taxi, bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;

- Dịch vụ hỗ trợ cho vận tải đường bộ, đường thủy nội địa, ven biển và viễn dương;

- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;

- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi thương mại;

- Bán lẻ máy tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm trong cac cửa hàng chuyên doanh;

- Bán lẻ thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;

- Bán buôn, bán lẻ sách báo tạp chí, văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;

- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh;

- Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet;

- Dịch vụ bưu chính;

- Dịch vụ chuyển phát;

- Quảng cáo;

- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dự luận (không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm);

- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;

- Sửa chữa máy móc, thiết bị (bao gồm các mặt hàng công ty kinh doanh);

- Sửa chữa thiết bị liên lạc;

- Bốc xếp hàng hóa;

- Vận tải hành khách đường bộ khác;

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;

- Cho thuê xe có động cơ;

- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;

- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;

- Bán buôn đồ uống;

- Đại lý chi trả ngoại tệ;

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật

- Địa bàn kinh doanh: Chủ yếu là thị trường trong nước và một số nước do Tập đoàn Viễn Thông Quân Đội đã và đang xúc tiến đầu tư.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

– Mô hình quản trị.

– Cơ cấu bộ máy quản lý.

Sơ đồ:

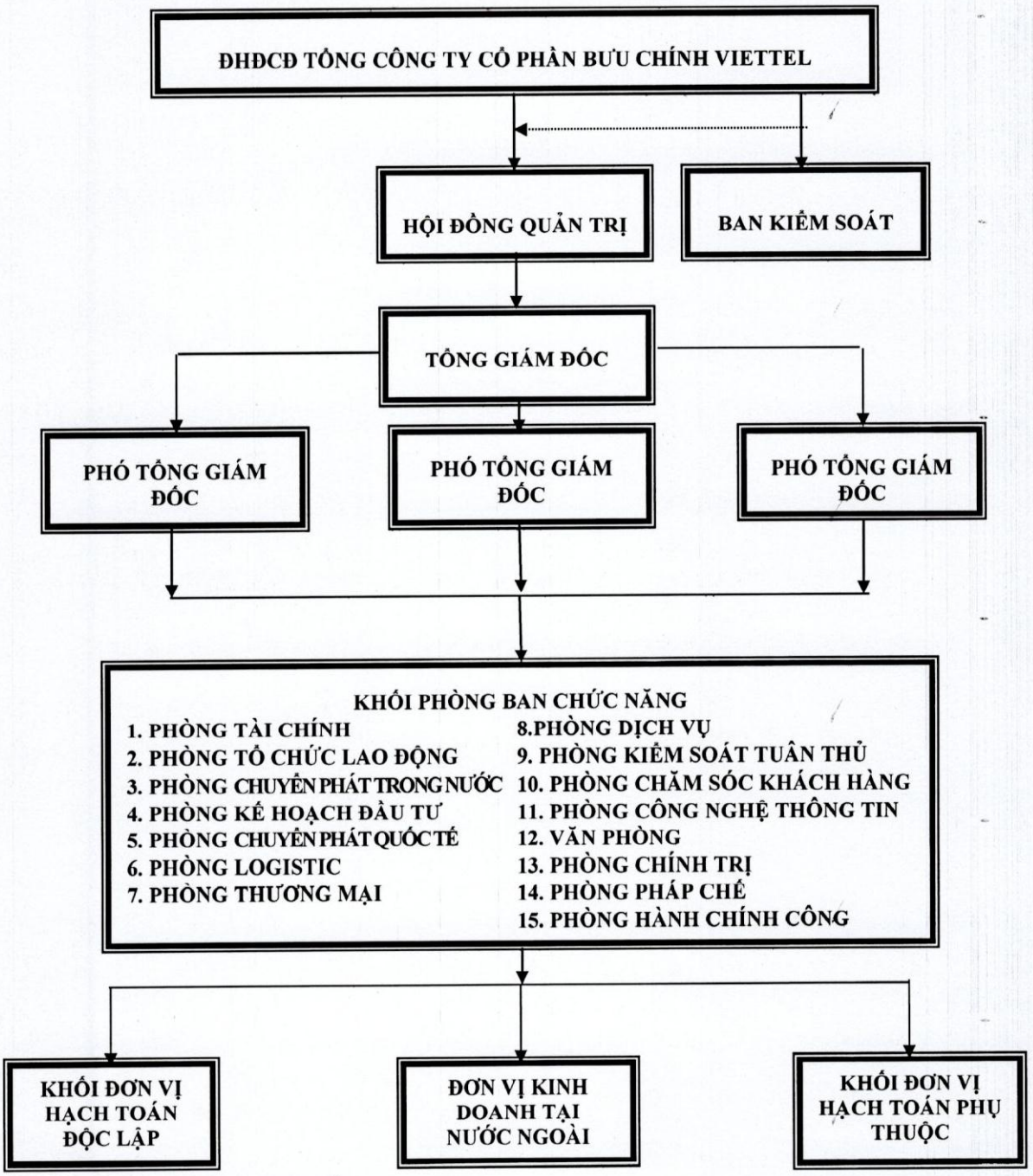

4. Định hướng phát triển:

Các mục tiêu chủ yếu của Tổng Công ty

- Phấn đấu tăng trưởng tổng doanh thu năm 2016 so với năm 2015 với tỷ lệ 50%;

- Nâng cao thương hiệu của Tổng Công ty trong lĩnh vực chuyển phát trong nước và quốc tế.

- Phát triển kết nối trực tiếp từ Việt Nam đi các nước.

- Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel Campuchia hoạt động hiệu quả và có lãi;

- Hiện đại hóa hệ thống chia chọn tự động tại các trung tâm khai thác;

- Nâng cao chất lượng dịch vụ và công tác chăm sóc khách hàng;

- Hợp tác, liên kết với một số hãng chuyển phát quốc tế phát triển thu, phát chuyên tuyến.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- ***Mục tiêu doanh thu:***

- Tốc độ tăng trưởng doanh thu bình quân 35%/năm (2014 – 2019)

- ***Chiến lược đầu tư - phát triển:***

- Đầu tư xây dựng hạ tầng bưu chính;

- Đầu tư, ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ vào hoạt động kinh doanh;

- Trình độ quản lý tiên tiến;

- Phát triển nguồn nhân lực;

- Đầu tư vào phát triển sản phẩm.

II.Tình hình hoạt động trong năm:

1.Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

+ Tổng doanh thu cả năm đạt : 2.582.147 triệu đồng tăng 95,93% so với năm 2014

+ Lợi nhuận trước thuế đạt : 82.617 triệu đồng tăng 57,42% so với năm 2014

+ Lợi nhuận sau thuế đạt : 62.541 triệu đồng tăng 59,33% so với năm 2014

+ Không phát sinh các khoản công nợ khó đòi, tình hình tài chính lành mạnh.

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch :

+ Tổng doanh thu cả năm tăng 83,28%/kế hoạch năm 2015 (Kế hoạch 2015: 1.408.839 triệu đồng)

+ Lợi nhận trước thuế cả năm tăng 13,17%/kế hoạch năm 2015 (Kế hoạch 2015: 73 tỷ đồng).

2.Tổ chức và nhân sự :

- Danh sách Ban điều hành :

1/ Ông Nguyễn Duy Tuấn

- Chức vụ: Tổng Giám đốc Tổng Công ty

- Sinh năm : 1975

- Số CMND: 012433774 do CA. Hà Nội cấp ngày 27/05/2001

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết : 0,26% (tương ứng với 18.170 cổ phần)

2/ Ông Nguyễn Đắc Luân

- Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty, thành viên HĐQT
- Sinh năm : 1967
- Số CMND: 88047896 do Tổng cục Chính trị/BQP cấp ngày 15/03/2013

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết : 0,11% (do bản thân sở hữu tương ứng với 7.641 cổ phần)

3/ Ông Cao Đình Ngân

- Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty
- Sinh năm : 1980
- Số CMND: 182349614 do Công an Nghệ An cấp ngày 18/3/1998

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết : 0,0165% (do bản thân sở hữu tương ứng với 1.138 cổ phần).

4/ Ông Phạm Văn Tuân

- Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty
- Sinh năm : 1985
- Số CMND: 162733553 do Công an Nam Định cấp ngày 14/7/2006

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết : 0%.

5/ Bà Chu Kim Thoa

- Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty
- Sinh năm : 1979
- Số CMND: 012344702 do Công an Hà Nội cấp ngày 26/05/2000

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết : 0,113% (do bản thân sở hữu tương ứng với 7.805 cổ phần).

6/ Ông Hoàng Quốc Anh

- Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty
- Sinh năm : 1976
- Số CMND: 012876583 do CA. Hà Nội cấp ngày 15/02/2006

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết : 0,027% (tương ứng với 1.884 cổ phần)

7/ Ông Lê Tuấn Anh

- Chức vụ: Kế toán trưởng
- Sinh năm: 1975
- Số CMND: 14010705 do Tổng cục chính trị cấp ngày 15/11/2014

Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết : Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết : 0,026% (do bản thân sở hữu tương ứng với 1.817 cổ phần)

- Những thay đổi trong Ban điều hành:

1/ Thay đổi Tổng Giám đốc:

Tháng 06, Tổng Công ty có sự thay đổi Tổng Giám đốc: Ông Nguyễn Duy Tuấn được bổ nhiệm thay thế Ông Hoàng Quốc Anh.

Tháng 04, Tổng Công ty có sự thay đổi Kế toán trưởng: Ông Lê Tuấn Anh được bổ nhiệm thay thế Ông Nguyễn Ngọc Anh.

2/ Miễn nhiệm/ Bổ nhiệm: không có

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 1.740 người.

- Tổng Công ty luôn thực hiện nghiêm chỉnh các Quy định của Nhà nước về lao động, tiền lương, bảo hiểm; Thực hiện theo đúng thỏa ước lao động đã ký giữa người sử dụng lao động và tập thể người lao động.

3.Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a. Các khoản đầu tư lớn: 65 tỷ đồng tăng 178,2% so với năm 2014.

b. Các công ty con:

- Công ty TNHH MTV Bưu chính Viettel Hà Nội
- Công ty TNHH MTV Bưu chính Viettel Hồ Chí Minh
- Công ty TNHH MTV Bưu chính liên tỉnh Viettel
- Công ty TNHH MTV Bưu chính Viettel Cambodia

4.Tình hình tài chính:

a)Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	380.123.122.453	614.985.606.472	61,78
Doanh thu thuần	1.317.853.895.638	1.992.655.259.687	51,20
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	57.979.363.944	83.063.061.152	43,26
Lợi nhuận khác	(5.497.723.178)	(406.354.610)	-92,61
Lợi nhuận trước thuế	52.481.640.766	82.656.706.542	57,50
Lợi nhuận sau thuế	39.252.781.503	62.580.521.741	59,43
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (dự kiến)	15%	15%	

(Nguồn: BCTC năm 2014, 2015 đã được kiểm toán).

b)Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
*1. **Chỉ tiêu về khả năng thanh toán***			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,18	1,16	
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1,16	1,15	
*2. **Chỉ tiêu về cơ cấu vốn***			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,64	0,70	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,80	2,31	
*3. **Chỉ tiêu về năng lực hoạt động***			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	431,90	443,63	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	3,47	3,24	

*4. **Chỉ tiêu về khả năng sinh lời***			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,03	0,03	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,29	0,34	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,10	0,10	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,04	0,04	

(Nguồn: BCTC năm 2014, 2015 đã được kiểm toán).

5.Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần đang lưu hành **:** 6.899.541 cổ phần

Loại cổ phần đang lưu hành : Cổ phần phổ thông

Mệnh giá**:** 10.000đ/cổ phần

Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 6.899.541 cổ phần

Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng theo Điều lệ công ty: 0 cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu cổ đông của Tổng Công ty CP Bưu chính Viettel theo danh sách cổ đông chốt đến ngày 31/12/2015 như sau:

Danh mục	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1. Cổ đông hạn chế chuyển nhượng	**0**	**0**	**0**
2. Cổ đông lớn (sở hữu >5% tổng số CP)	**2**	**5.047.404**	**73,16**
-Tập đoàn Viễn thông Quân Đội	1	4.696.945	68,08
- Quỹ đầu tư Japan Asia MB Capital	1	350.459	5,08
3. Thành phần cổ đông	**1.336**	**6.899.541**	**100.00**
- Cá nhân trong nước	1.333	1.643.667	23,82
- Tổ chức trong nước	3	5.255.874	76,18

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e) Các chứng khoán khác: Không có

III.Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1.Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trong năm 2015, thị trường chuyển phát trong nước ngày càng khó khăn, cạnh tranh gay gắt nhưng Đảng ủy, Ban Giám đốc đã lãnh đạo Tổng Công ty vượt qua mọi khó khăn thách thức, hoàn thành cơ bản những mục tiêu, chỉ tiêu năm 2015 đã đề ra. Đồng thời tiếp tục xác định chiến lược phát triển của Tổng công ty "nâng cao sức cạnh tranh của Tổng Công ty thông qua chất lượng dịch vụ", Ban Giám đốc đã điều hành triệt để việc ứng dụng công nghệ thông tin trong sản xuất làm tăng năng suất lao động, quản lý chặt chẽ doanh thu, đảm bảo tốt công tác thu hồi công nợ, gần như không phát

sinh công nợ tồn quá hạn. Đảm bảo an toàn về vốn đầu tư và kinh doanh, điều hành hoạt động kinh doanh tại Campuchia đảm bảo có lãi,....

Về mạng lưới, Tổng công ty vẫn kiên định theo chủ trương "đầu tư phát triển mạng lưới trước, kinh doanh sau", hiện nay, mật độ phủ đã đạt 98% quận huyện trên toàn quốc, phát triển mạng lưới tách độc lập hoàn toàn với mạng Bưu chính quốc gia, nâng cao chất lượng dịch vụ, tỷ lệ phát đúng giờ >90%, tương đương với các nước trong khu vực.

Quan tâm đến đời sống người lao động, Ban Giám đốc đã lãnh đạo các đơn vị thực hiện quyết toán theo tháng, quý, năm làm cơ sở cho việc thúc đẩy tiết kiệm chi phí, giảm chi phí phạt, nâng cao đời sống cho người lao động. Bên cạnh đó, năm 2015, Hoạt động của các tổ chức quần chúng đã diễn ra sôi nổi và thiết thực, tất cả các phong trào thi đua đều đạt giải cao cấp Tập đoàn; chế độ, chính sách và phúc lợi cho người lao động được quan tâm: tặng nhà tình nghĩa, nhà mái ấm, tặng sổ tiết kiệm, ủng hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bệnh hiểm nghèo,....

Những tiến bộ Tổng Công ty đã đạt được:

- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Bộ máy hành chính của công ty gọn nhẹ, công ty tăng cường các biện pháp quản lý: tiết kiệm chi phí, quản lý chặt chẽ và tăng hiệu quả sử dụng vốn, tài sản mang lại hiệu quả cao.

- Tổng Công ty đã chủ động trong việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm, quý, tháng & từng tuần. Triển khai thực hiện kế hoạch đã đề ra, thường xuyên kiểm tra, điều chỉnh linh hoạt kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị. Công tác giao ban, hội ý, giao việc được tổ chức định kỳ, thường xuyên, kịp thời, phân công trách nhiệm cụ thể, đôn đốc sát sao để công việc được hoàn thành theo đúng tiến độ và đạt được hiệu quả cao.

- Năm 2015 Tổng Công ty tiếp tục điều chỉnh & áp dụng định mức lao động cho phù hợp với đặc điểm tình hình, đặc thù công việc nhằm thúc đẩy nâng cao năng suất lao động, tăng lợi nhuận tối đa, đời sống người lao động được nâng lên.

- Các biện pháp kiểm soát: Tổng Công ty gắn trách nhiệm trực tiếp tới các phòng ban, các cá nhân về tính hiệu quả, quản lý chặt chẽ chi phí, các khoản công nợ phải thu, phải trả, tăng khả năng quay vòng vốn,...

2.Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản:

Đơn vị tính : triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
1.Tài sản ngắn hạn	**280.108,0**	**471.187,4**	
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	124.977,9	233.568,2	
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	127.297,6	201.167,7	
+ Hàng tồn kho	3.774,7	4.426,7	
+ Tài sản ngắn hạn khác	13.047,8	19.604,7	
2.Tài sản dài hạn	**100.015,1**	143.798,2	
+ Tài sản cố định	78.876,0	122.448,6	
+ Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	5.662,9	4.546	

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
+ Tài sản dài hạn khác	15.476,2	10.883,5	
Tổng cộng tài sản :	**380.123,1**	614.985,6	
3.Các chỉ tiêu đánh giá :			
Vòng quay tài sản	4,02	4,00	
Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	14,0%	13,4%	

(Nguồn: BCTC năm 2014, 2015 đã được kiểm toán).

b) Tình hình nợ phải trả: *Đơn vị tính: triệu đồng*

Stt	Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015
	Nợ ngắn hạn	**237.837,5**	**407.306,7**
1.	Vay và nợ ngắn hạn	3.254,2	10.509,4
2.	Phải trả người bán	91.306,7	127.603,0
3.	Người mua trả tiền trước	1.990,2	7.935,3
4.	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	25.211,8	13.988,8
5.	Phải trả người lao động	74.753,9	127.572,1
6.	Chi phí phải trả	12.208,1	8.034,1
7.	Các khoản phải trả phải nộp khác	27.396,1	110.498,3
8.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	0	0
9.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.716,5	895,5
	Nợ dài hạn	**6.621,5**	**22.295,4**
10.	Vay và nợ dài hạn	6.016,5	21.112,4
11.	Phải trả dài hạn khác	605	1.183
12.	Dự phòng trợ cấp mất việc	-	0
	Tổng cộng	**244.459,0**	**429.332,1**

(Nguồn: BCTC năm 2014, 2015 đã được kiểm toán).

Trong năm 2015 Tổng Công ty không có các khoản nợ xấu (bao gồm cả nợ phải thu và nợ phải trả), tình hình tài chính năm 2015 được đánh giá là lành mạnh, có hiệu quả.

3.Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Tổng Công ty đã thực hiện cơ cấu lại các bộ phận trên cơ sở các bộ phận làm việc chuyên nghiệp, giảm bộ phận trung gian để làm nhỏ gọn bộ máy của Tổng Công ty.

Tổng Công ty thực hiện khoán triệt để đến từng người lao động để người làm nhiều được hưởng theo đúng sức lao động. Ngoài ra các chương trình chăm sóc đến tinh thần của CBCNV luôn được Ban Giám đốc Tổng Công ty quan tâm.

4.Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Tổng Công ty phấn đấu sẽ trở thành một doanh nghiệp hàng đầu trong việc cung cấp dịch vụ chuyển phát và hậu cần thương mại điện tử tại Việt Nam.

5.Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không .

IV.Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Tổng Công ty:

1.Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Tổng Công ty:

* Doanh thu cả năm 2015 đạt : 2.582.147 triệu đồng tăng 95,93% so với năm 2014, tăng 83,28% so với kế hoạch năm 2015

- Lợi nhuận trước thuế đạt : 82.617 triệu đồng tăng 57,42% so với năm 2014, tăng 13,17% so với kế hoạch năm 2014.

- Lợi nhuận sau thuế đạt : 62.541 triệu đồng.

Năm 2015 Tổng Công ty đã thực hiện đúng các lĩnh vực đã đăng ký kinh doanh, sử dụng có hiệu quả nguồn vốn kinh doanh.

Tổng Công ty đã tổ chức thu nộp đầy đủ các khoản phải nộp cho Ngân sách Nhà nước như : Thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN...đảm bảo theo đúng quy định của Pháp luật.

Tổng Công ty đã thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động như chế độ lương, thưởng, đóng BHXH, BHYT, trích nộp KPCĐ đầy đủ, đúng quy định hiện hành.

2.Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Tổng Công ty:

Ban Giám đốc Tổng Công ty đã luôn có sự cố gắng, nỗ lực trong việc điều hành hoạt động SXKD của Tổng Công ty theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ và định hướng phát triển của Tổng Công ty. Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ SXKD một cách khoa học, đạt hiệu quả cao, thúc đẩy tăng năng suất và chất lượng lao động. Đảm bảo chế độ lương, thưởng cho người lao động, tạo sự đoàn kết, gắn bó, đồng thuận cao trong nội bộ Tổng Công ty từ đó tạo động lực thúc đẩy Tổng Công ty tiếp tục phát triển trong những năm tiếp theo.

3.Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị Tổng Công ty hoạt động với mục đích quản lý và điều hành đem lại lợi ích cao nhất cho các cổ đông của Tổng Công ty, do vậy để hoạt động của HĐQT ngày càng có hiệu quả các thành viên trong Hội đồng quản trị sẽ cố gắng nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm đối với công việc mình được giao;

- HĐQT sẽ tiếp tục bám sát chiến lược, định hướng phát triển của Tổng Công ty để đề ra các quyết sách đúng đắn mang lại hiệu quả cao cho hoạt động SXKD Tổng Công ty trong những năm tiếp theo;

- Tiếp tục giám sát, điều hành hoạt động của Ban Giám đốc Tổng Công ty để đảm bảo mọi hoạt động của Tổng Công ty đều được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật, điều lệ của Tổng Công ty và sử dụng có hiệu quả từng đồng vốn của các cổ đông Tổng Công ty.

V. Quản trị công ty:

1.Hội đồng quản trị:

a/ Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị có 7 nhân sự

- **Danh sách HĐQT**

Họ và tên	Chức vụ	Tỉ lệ sở hữu CP biểu quyết	Chức vụ tại Công ty khác
Hoàng Sơn	Chủ tịch HĐQT	40,84%	Phó TGĐ Tập đoàn VTQĐ
Lương Ngọc Hải	Thành viên HĐQT	7,05%	Trưởng phòng Kế hoạch Tập đoàn VTQĐ
Nguyễn Đắc Luân	Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc	6,92%	
Nguyễn Việt Dũng	Thành viên HĐQT	6,81%	TGĐ Tổng Công ty Viễn thông Viettel
Nghiêm Phương Nhi	Thành viên HĐQT	6,81%	Trưởng phòng Đầu tư Tài chính Tập đoàn VTQĐ
Lưu Trung Thái	Thành viên HĐQT	5,08%	Thành viên HĐQT/Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Quân đội
Nguyễn Quốc Hùng	Thành viên HĐQT	3,15%	

b/ Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị Tổng Công ty không thành lập các tiểu ban trực thuộc.

c/ Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm qua HĐQT đã tiến hành 05 cuộc họp định kỳ để giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, thảo luận những vấn đề quan trọng liên quan đến chiến lược phát triển Tổng Công ty và triển khai thực hiện nghị quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015. HĐQT luôn chủ động, sâu sát chỉ đạo Ban điều hành Tổng Công ty theo dõi mọi hoạt động có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty đảm bảo tuân thủ quy định của Pháp luật và kinh doanh có hiệu quả.

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	07/NQ-HĐQT	27/02/2015	- Thông qua kết quả kinh doanh năm 2014và kế hoạch năm 2015 cũng như quý 1 năm 2015. - Thông qua nội dung về các dự án đầu tư trong năm 2015. - Kiện toàn mô hình tổ chức của Tổng Công ty. - Hoàn thành việc lưu ký chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
2	38/NQ-HĐQT	18/05/2015	- Thông qua việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại khu công nghiệp Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội.
3	42/NQ-HĐQT (lấy ý kiến bằng văn bản)	28/08/2015	Thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ năm 2015
4	43/NQ-HĐQT (lấy ý kiến bằng văn bản)	28/08/2015	Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng
5	46/NQ-HĐQT	12/09/2015	- Thông qua kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2015 và kế hoạch quý 3 năm 2015. - Thông qua các dự án đầu tư trong quý 3 năm 2015.

d)Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành : Không có

e)Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

f)Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Các thành viên HĐQT đều có chứng chỉ đào tạo về quản trị.

2. Ban Kiểm soát:

a)Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát của Tổng Công ty có 03 thành viên độc lập không điều hành.

- Danh sách Ban Kiểm Soát:

Họ tên	Chức vụ	Tỉ lệ sở hữu CP	Các chức vụ khác
Đặng Thị Kim Hoa	Trưởng BKS	0,017%	Phó phòng Kiểm toán nội bộ - Tập đoàn Viễn thông Quân đội
Nguyễn Đức Cường	Thành viên BKS	0%	Chuyên viên Phòng Đầu tư Tài chính - Tập đoàn Viễn thông Quân đội

Họ tên	Chức vụ	Tỉ lệ sở hữu CP	Các chức vụ khác
Vũ Ngọc Phước	Thành viên BKS	0,012%	Chuyên viên – Công ty TNHH MTV Bưu chính Viettel Hà Nội - Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel

b)Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát Tổng Công ty họp định kỳ cùng với các kỳ họp HĐQT. Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong điều lệ của Tổng Công ty: Giám sát, kiểm tra, thẩm tra báo cáo tài chính và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm bảo đảm tính chính xác, trung thực về báo cáo hoạt động của Tổng Công ty, đảm bảo quyền lợi của các nhà đầu tư.

- Hàng năm Ban Kiểm soát có báo cáo đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, hoạt động đầu tư của Tổng Công ty, đồng thời đưa ra những kiến nghị đối với HĐQT, Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét quyết định.

3.Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Nhằm đảm bảo quyền lợi và trách nhiệm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đối với việc quản trị, điều hành và kiểm soát quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 được tổ chức vào ngày 26/04/2015 đã thông qua mức thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký HĐQT năm 2015 theo các mức như sau:

STT	Thành phần	Số tiền bình quân (đồng)/tháng	Thời gian đảm nhiệm vị trí
1	Ông Hoàng Sơn - Chủ tịch HĐQT	3.000.000	12 tháng
2	Ông Nguyễn Việt Dũng – Phó Chủ tịch HĐQT	2.000.000	12 tháng
3	Ông Lương Ngọc Hải- Thành viên HĐQT	2.000.000	12 tháng
4	Ông Lưu Trung Thái – Thành viên HĐQT	2.000.000	12 tháng
5	Bà Nghiêm Phương Nhi – Thành viên HĐQT	2.000.000	12 tháng
6	Ông Nguyễn Đắc Luân – Thành viên HĐQT	2.000.000	12 tháng
7	Ông Nguyễn Quốc Hùng – Thành viên HĐQT	2.000.000	12 tháng
8	Bà Đặng Thị Kim Hoa - Trưởng ban Kiểm soát	2.000.000	12 tháng
9	Ông Vũ Ngọc Phước - Thành viên Ban kiểm soát	1.000.000	12 tháng

STT	Thành phần	Số tiền bình quân (đồng)/tháng	Thời gian đảm nhiệm vị trí
10	Bà Phạm Thanh Huyền – Thành viên Ban kiểm soát (đến ngày 26/4/2015)	1.000.000	4 tháng
11	Ông Nguyễn Đức Cường – Thành viên Ban kiểm soát (từ ngày 26/4/2015)	1.000.000	8 tháng
9	Ông Nguyễn Thanh Tùng – Thư ký HĐQT	1.500.000	12 tháng

Bảng tổng hợp các khoản thưởng, thù lao của Ban giám đốc, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thư ký HĐQT trong năm 2015:

Stt	Nội dung	Chức vụ	Năm 2015		
			Thù lao	Thưởng/Chi phí khác	Tổng
I/	**Hội đồng Quản trị :**		**180.000.000**	**0**	**180.000.000**
1	Hoàng Sơn	CT. HĐQT	36.000.000	0	36.000.000
2	Nguyễn Việt Dũng	PCT HĐQT	24.000.000	0	24.000.000
3	Lương Ngọc Hải	TV HĐQT	24.000.000	0	24.000.000
4	Lưu Trung Thái	TV HĐQT	24.000.000	0	24.000.000
5	Nghiêm Phương Nhi	TV. HĐQT	24.000.000	0	24.000.000
6	Nguyễn Đắc Luân	PCT.HĐQT	24.000.000	0	24.000.000
7	Nguyễn Quốc Hùng	TV HĐQT	24.000.000	0	24.000.000
II/	**Ban Kiểm soát:**		**48.000.000**	**0**	**48.000.000**
1	Đặng Thị Kim Hoa	Trưởng BKS	24.000.000	0	24.000.000
2	Phạm Thanh Huyền	TV BKS	4.000.000	0	4.000.000
3	Vũ Ngọc Phước	TV BKS	12.000.000	0	12.000.000
4	Nguyễn Đức Cường	TV BKS	8.000.000	0	8.000.000
III/	**Thư ký HĐQT**		**18.000.000**	**0**	**18.000.000**
1	Nguyễn Thanh Tùng	Thư ký HĐQT	18.000.000	0	18.000.000
	Tổng cộng :		**246.000.000**	**0**	**246.000.000**

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ : không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị Tổng Công ty : Mọi hoạt động về quản trị Tổng Công ty đều được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật.

VI. Báo cáo tài chính:

1. *Ý kiến kiểm toán:*

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. *Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH AASC :*

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel được thành lập theo theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104093672 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 07 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 22 tháng 06 năm 2015.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Số 1, phố Giang Văn Minh, Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Sơn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Dũng	Phó Chủ tịch
Ông Lưu Trung Thái	Thành viên
Ông Lương Ngọc Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Hùng	Thành viên
Bà Nghiêm Phương Nhi	Thành viên
Ông Nguyễn Đắc Luân	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Duy Tuấn	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 25/05/2015)
Ông Hoàng Quốc Anh	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 25/05/2015)
Ông Cao Đình Ngân	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Chu Kim Thoa	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Đắc Luân	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Văn Tuân	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đặng Thị Kim Hoa	Trưởng ban
Ông Nguyễn Đức Cường	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Tổng Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

TM. Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BƯU CHÍNH VIETTEL

Nguyễn Duy Tuấn
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2016

Số: 476/2016/BC.KTTC-AASC.KT3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel được lập ngày 09 tháng 03 năm 2016, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính .

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính năm 2014 của Tổng Công ty Cổ phần Bưu chính Viettel đã được Công ty TNHH KPMG kiểm toán với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Nguyễn Quốc Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0285-2013-002-1

Phạm Thị Xuân Thu
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1462-2013-002-1

Hà Nội, ngày 17 tháng 03 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**471.187.409.024**	**281.991.780.046**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	3	**233.568.210.841**	**124.977.855.557**
111	1. Tiền		178.568.210.841	36.877.855.557
112	2. Các khoản tương đương tiền		55.000.000.000	88.100.000.000
120	**II. Đầu tư tài chính ngắn hạn**	4	**12.420.000.000**	**11.010.000.000**
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		12.420.000.000	11.010.000.000
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**201.167.756.929**	**138.203.309.561**
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	171.725.335.177	116.378.617.747
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		3.166.355.638	3.232.540.684
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	25.740.140.370	16.107.808.419
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	(126.893.579)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý	7	535.925.744	2.611.236.290
140	**IV. Hàng tồn kho**	8	**4.426.744.503**	**3.774.720.181**
141	1. Hàng tồn kho		4.426.744.503	3.774.720.181
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**19.604.696.751**	**4.025.894.747**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	14.978.986.427	2.995.288.179
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		2.490.931.308	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	2.134.779.016	1.030.606.568
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**143.798.197.448**	**98.131.342.407**
210	**I. Các khoản phải thu dài hạn**		**1.217.641.782**	**3.758.155.892**
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	1.217.641.782	3.758.155.892
220	**II. Tài sản cố định**		**122.448.569.256**	**77.203.668.006**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	97.432.725.617	53.057.982.974
222	- *Nguyên giá*		*150.641.747.799*	*92.619.704.171*
223	- *Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(53.209.022.182)*	*(39.561.721.197)*
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	25.015.843.639	24.145.685.032
228	- *Nguyên giá*		*27.790.683.717*	*26.043.112.167*
229	- *Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(2.774.840.078)*	*(1.897.427.135)*
240	**IV. Tài sản dở dang dài hạn**	9	**4.702.478.364**	**1.672.378.936**
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		4.702.478.364	1.672.378.936
250	**V. Đầu tư tài chính dài hạn**	4	**4.546.000.000**	**5.662.880.938**
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		780.000.000	780.000.000
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(234.000.000)	(517.119.062)
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		4.000.000.000	5.400.000.000
260	**VI. Tài sản dài hạn khác**		**10.883.508.046**	**9.834.258.635**
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	10.883.508.046	9.834.258.635
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**614.985.606.472**	**380.123.122.453**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
300	**A. NỢ PHẢI TRẢ**		**429.332.070.589**	**244.459.054.575**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**407.036.667.789**	**237.842.507.372**
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	127.603.032.354	91.306.709.682
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		7.935.301.765	1.990.180.101
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	13.988.847.247	25.211.811.066
314	4. Phải trả người lao động		127.572.129.719	74.753.868.919
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	8.034.158.607	12.208.141.313
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	110.498.354.542	27.401.120.524
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	10.509.367.800	3.254.240.112
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		895.475.755	1.716.435.655
330	**II. Nợ dài hạn**		**22.295.402.800**	**6.616.547.203**
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	1.183.000.000	600.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	13	21.112.402.800	6.016.547.203
400	**B. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**185.653.535.883**	**135.664.067.878**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	18	**185.653.535.883**	**135.664.067.878**
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		68.995.410.000	60.000.000.000
411a	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*68.995.410.000*	*60.000.000.000*
417	2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		934.875.793	585.929.528
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		17.252.417.756	26.247.827.756
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		98.470.832.334	48.830.310.594
421a	*LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*		*35.890.310.593*	*9.577.529.091*
421b	*LNST chưa phân phối năm nay*		*62.580.521.741*	*39.252.781.503*
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**614.985.606.472**	**380.123.122.453**

Đào Thị Phương Lan	Lê Tuấn Anh	Nguyễn Duy Tuấn
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	20	**1.992.655.259.687**	**1.317.853.895.638**
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	**3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**1.992.655.259.687**	**1.317.853.895.638**
11	**4. Giá vốn hàng bán**	21	**1.819.207.719.449**	**1.186.771.344.780**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**173.447.540.238**	**131.082.550.858**
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	3.204.526.850	4.097.532.721
22	7. Chi phí tài chính	23	976.302.197	842.734.729
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*1.150.229.923*	*506.242.385*
24	8. Phần lỗ trong công ty liên kết, LD		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	24	483.408.236	-
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	92.129.295.503	76.357.984.907
30	**11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**83.063.061.152**	**57.979.363.943**
31	12. Thu nhập khác	26	1.243.943.292	1.457.911.693
32	13. Chi phí khác	27	1.650.297.902	6.955.634.870
40	**14. Lợi nhuận khác**		**(406.354.610)**	**(5.497.723.177)**
50	**15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**82.656.706.542**	**52.481.640.766**
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	20.076.184.801	13.228.859.263
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	**18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**62.580.521.741**	**39.252.781.503**
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		**62.580.521.741**	**39.252.781.503**
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		-	-
70	**21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	29	**9.070**	**5.689**

Đào Thị Phương Lan	**Lê Tuấn Anh**	**Nguyễn Duy Tuấn**
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2016

Đào Thị Phương Lan

8

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	***1. Lợi nhuận trước thuế***		***82.656.706.542***	***52.481.640.766***
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		14.223.921.284	10.185.674.331
03	- Các khoản dự phòng		(410.012.641)	118.474.226
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(7.658.106)	5.704.383
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.167.839.732)	(4.461.647.178)
06	- Chi phí lãi vay		1.150.229.923	506.242.385
08	***3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***		***94.445.347.270***	***58.836.088.913***
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(62.581.555.380)	(30.991.298.565)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(652.024.322)	(2.057.072.667)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		85.935.241.211	77.627.581.015
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(13.032.947.659)	6.101.930.259
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.023.130.586)	(500.369.163)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(25.839.778.145)	(9.046.377.368)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		3.682.062.060	3.475.691.605
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(8.958.554.246)	(113.000.000)
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		***71.974.660.203***	***103.333.174.029***
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(62.568.882.262)	(51.815.047.589)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(10.000.000)	(16.410.000.000)
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.167.839.732	4.089.610.512
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***(59.411.042.530)***	***(64.135.437.077)***
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		82.347.730.000	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		137.056.340.295	3.859.526.761
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(114.705.357.010)	(1.967.731.112)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(8.679.633.780)	(8.539.008.785)
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		***96.019.079.505***	***(6.647.213.136)***

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong năm**		**108.582.697.178**	**32.550.523.816**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu năm**		**124.977.855.557**	**92.421.576.095**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		7.658.106	5.755.646
70	**Tiền và tương đương tiền cuối năm**	3	**233.568.210.841**	**124.977.855.557**

(*) Đây là khoản tiền thu trước của CBCNV cho việc phát hành thêm cổ phiếu vào năm 2016 (thông tin chi tiết tại thuyết minh số 18).

Đào Thị Phương Lan	**Lê Tuấn Anh**	**Nguyễn Duy Tuấn**
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Đào Thị Phương Lan		*Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2016*

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN DUY TUẤN